| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2026/DS-ST
Ngày: 05-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Ngô Trường Hận.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Tấn Để và bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2025/TLST-DS, ngày 04 tháng 11 năm 2025, theo Quyết định tạm ngừng phiên toà số 05/2026/QĐST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

*1- Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh An Giang. *Có mặt*.

*2- Bị đơn:* Chị Đặng Thị M (thường gọi D và V), sinh năm 1980; địa chỉ: ấp H, xã T, tỉnh An Giang. *Có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:* Chị H có mở một số dây hụi, chị M tên thường gọi là D chơi nhiều phần hụi và có vay của chị H 50.000.000 đồng vào ngày 06/02/2022 âm lịch, khi chốt nợ số tiền là 187.875.000 đồng (Một trăm tám mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Ngoài ra, chị M còn tham gia dây hụi ngày, khi mãn hụi còn nợ 9.200.000

đồng. Tổng cộng tiền nợ đến thời điểm này là 197.075.000 đồng. Yêu cầu chị M trả số tiền này, nếu không trả được toàn bộ một lần số tiền nợ thì mỗi tháng trả 4.000.000 đồng. Tiền hụi và tiền vay là do chị M tự tham gia nên chỉ yêu cầu chị M trả nợ, không yêu cầu chồng chị M cùng trả.

*2- Tại phiên toà chị Đặng Thị M (Diền) trình bày:* Chị M thống nhất có nợ tiền biên nhận ngày 30/7/2024 là 118.700.000 đồng, trong đó có tiền nhiều dây hụi, không nhớ từng dây hụi nào và có nợ tiền vay 50.000.000 đồng. Ngoài ra, còn nợ hụi dồn nhiều lần 69.175.000 đồng theo biên nhận, cũng không nhớ dây hụi nào, chỉ nhớ có tổng hợp lại rồi làm biên nhận. Ngoài ra, còn 01 dây hụi ngày nợ chị H 9.200.000 đồng. Tổng cộng tiền nợ đến thời điểm này là 197.075.000 đồng như yêu cầu của chị H, các dây hụi đều đã mãn. Chị M thống nhất còn nợ và trả cho chị H số tiền 197.075.000 đồng, nhưng không có khả năng trả theo yêu cầu của chị H, yêu cầu trả mỗi tháng 1.500.000 đồng đến khi hết nợ.

*3- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền hụi còn lại chưa đóng và tiền vay tổng số 197.075.000 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị H có tổ chức chơi hụi và làm chủ hụi, chị M có tham gia thành viên, ngoài ra chị H có cho chị M vay tiền, nay xảy ra tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"*.

Khi khởi kiện chị H ghi tên bị đơn theo tên thường gọi là Đặng Thị D và có sai năm sinh. Sau đó đã có đơn khởi kiện bổ sung và đính chính tên bị đơn lại là Đặng Thị M, sinh năm 1980, tên thường gọi là Diền; trong các biên bản chị M thường ký và ghi tên là V. Do đó, xác định tên bị đơn là Đặng Thị M, có tên thường gọi là D và V.

Chị H chỉ yêu cầu chị M trả nợ, không yêu cầu chồng chị M cùng trả, chị M thống nhất tự chịu trách nhiệm trả nợ nên Toà án không đưa chồng chị M vào tham gia tố tụng.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng không ai thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí.

[2] Chị H và chị M thống nhất được số nợ chị M còn nợ chị H đến ngày xét xử là 197.075.000 đồng. Trong đó có 50.000.000 đồng tiền vay, còn lại là nợ nhiều dây hụi đã mãn. Đây là tình tiết, sự kiện các bên thừa nhận nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được thời gian thanh toán, cụ thể: Chị H yêu cầu trả một lần toàn bộ số tiền 197.075.000 đồng hoặc trả mỗi tháng 4.000.000 đồng, nhưng chị M cho rằng không có khả năng trả, yêu cầu mỗi tháng trả 1.500.000 đồng. Do các bên không thoả thuận được thời gian thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận sự thoả thuận của các bên.

Thấy rằng, chị H mở các dây hụi chị M tham gia thành viên, các dây hụi đều đã mãn nhưng chị M vi phạm nghĩa vụ góp hụi. Tại Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường qui định trường hợp đến kỳ mở họ mà có thành viên không góp phần họ hoặc góp phần họ không đầy đủ thì thành viên đó có trách nhiệm đối với chủ họ như sau: Hoàn trả số tiền mà chủ họ đã góp thay cho thành viên. Trả lãi đối với số tiền chậm góp họ theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này. Chịu phạt vi phạm trong trường hợp những người tham gia dây họ có thỏa thuận phạt vi phạm theo quy định tại Điều 418 của Bộ luật Dân sự. Ngoài tiền hụi, chị M còn nợ chị H 50.000.000 đồng tiền vay nhưng chị M cũng không đóng lãi và trả gốc theo thoả thuận. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Do chị M thừa nhận có nợ chị H 197.075.000 đồng nhưng vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện góp hụi và trả tiền vay, chị H yêu cầu chị M trả nợ và đại viện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị H về việc buộc chị M trả cho chị H số tiền 197.075.000 đồng là có căn cứ, đúng qui định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành là: 197.075.000 đồng x 5% = 9.853.700 đồng. Chị H không phải chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 16, 17, 22, 24, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về *"họ, hụi, biêu, phường";* Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**1-** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị H đối với chị Đặng Thị M (tên thường gọi là D và V). Buộc chị Đặng Thị M trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 197.075.000 đồng (Một trăm chín mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó: Tiền hụi tổng cộng là 147.075.000 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); tiền vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2-** Án phí sơ thẩm:

Chị Đặng Thị M phải chịu án phí sơ thẩm là 9.853.700 đồng (Chín triệu tám trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm đồng).

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.700.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0006688 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000490 ngày 12/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

**3-** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Trường Hận**